TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm và ông Phan Văn Sáng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 556/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 556/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 556/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện X, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Số K584/11 đường V, tổ 17, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:***

Tôi và ông Trần Ngọc Đ tự nguyện kết hôn vào ngày 17/7/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà số K584/11 đường V, tổ 17, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong lối sống, cách suy nghĩ, chồng tôi không có tu chí làm ăn, không có công việc ổn định và không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xảy ra bất hòa, cãi vã. Vì đời

sống hôn nhân không hạnh phúc nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Trần Ngọc Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trần Ngọc Thuận P, sinh ngày 19/5/2013 và Trần Ngọc Hữu L, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay các con đang sống cùng tôi nên tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Ngọc Đ không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Thu S ly hôn với ông Trần Ngọc Đ và giao con chung 02 con chung là Trần Ngọc Thuận P, sinh ngày 19/5/2013 và Trần Ngọc Hữu L, sinh ngày 17/02/2019 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi. Về tài sản chung và nợ chung, bà S xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S với bị đơn ông Trần Ngọc Đ là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trần Ngọc Đ kết hôn vào ngày 17/7/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Quảng Nam, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà S và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của bà S thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về lối sống, cách suy nghĩ, ông Đ không tu chí làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra bất hòa, cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống vợ chồng của bà S và ông Đ thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và đã trầm trọng kéo dài cho đến nay. Hai người sống ly thân một thời gian dài và đã chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ ông Đ cũng không có thiện chí và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc ly hôn với ông Đ là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trần Ngọc Đ có 02 con chung là Trần Ngọc Thuận P, sinh ngày 19/5/2013 và Trần Ngọc Hữu L, sinh ngày 17/02/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các con chung của bà S và ông Đ đang do bà S trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con Trần Ngọc Thuận P là được sống cùng mẹ nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của bà S, giao 02 con chung là Trần Ngọc Thuận P, sinh ngày 19/5/2013 và Trần Ngọc Hữu L, sinh ngày 17/02/2019 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), ông Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.0000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S về việc "*Ly hôn*" đối với ông Trần Ngọc Đ.

Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với ông Trần Ngọc Đ.

* Về con chung: Giao hai con chung là Trần Ngọc Thuận P, sinh ngày 19/5/2013 và Trần Ngọc Hữu L, sinh ngày 17/02/2019 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông Trần Ngọc Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định không có nên không đề cập.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà S đã nộp theo biên lai thu số 2475 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường xã Duy Vĩnh,
huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;
(Giấy CNKH số 72/2013,
quyển số 01/2012, ngày 17/7/2013)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Cường